

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1100/2020/DS-PT

Ngày: 15-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

2. Bà Phan Thị Tú Oanh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 498/2020/DS-PT ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5678/DSPT ngày 12/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19765/QĐPT-DS ngày 01/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Phi Y, sinh năm: 1976, địa chỉ cư trú: 76 Đường 37, Phường T, Quận S, Thành phố H (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Dương Ánh H, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: 152/20 Đường D, Phường 9, Quận F, Thành phố H (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: 76 Đường 37, Phường T, Quận S, Thành phố H (xin vắng mặt).

3.2. Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: 675/15D Đường X, Phường U, Quận S, Thành phố H (có mặt).

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: 68/20 Đường Đ, Phường 9, Quận F, Thành phố H (có mặt).

4.2. Bà Đặng Thị Trúc L, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: 675/15D đường X, Phường U, Quận S, Thành phố H (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H.

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn bà Đặng Thị Phi Y trình bày:

Từ tháng 11/2017 đến đầu năm 2018, do có quen biết, bà đã cho bà Trịnh Thị Dương Ánh H vay tiền và bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã trả đúng hạn. Sau đó bà cho bà Trịnh Thị Dương Ánh H vay tiền 02 lần: lần 01 là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và lần 02 là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng). Đến ngày 01/3/2018, bà Trịnh Thị Dương Ánh H có viết giấy biên nhận nợ với số tiền vay tổng cộng là 396.000.000 đồng. Theo biên nhận nợ, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ đến hết ngày 01/12/2018 phải trả hết số tiền nêu trên cho bà.

Khi đến hạn trả nợ, bà Đặng Thị Phi Y có yêu cầu bà Trịnh Thị Dương Ánh H trả toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên cho bà. Tuy nhiên, đến nay, bà Trịnh Thị Dương Ánh H vẫn không trả nợ mà cố tình lánh mặt. Do đó, bà Đặng Thị Phi Y khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

- Buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H trả lãi chậm trả tính từ tháng 01/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử là 31/8/2020 là 20 tháng, lãi suất chậm trả bằng 50% theo lãi suất pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự bằng 10%/năm, cụ thể: $0,833\%/tháng \times 396.000.000 = 3.330.000$ đồng $\times 20$ tháng = 66.600.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm đồng), đồng thời yêu cầu bà Trịnh Thị Dương Ánh H tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nêu trên cho đến khi trả dứt nợ cho bà.

Bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H trình bày: Bà xác nhận chỉ có quen biết và có quan hệ vay mượn với bà Đặng Thị Trúc L là em họ bà Đặng Thị Phi Y. Quá trình vay mượn bà nhớ là bà chỉ vay bà Đặng Thị Trúc L tổng số tiền hơn 100.000.000 đồng và đã thanh toán xong cho bà Đặng Thị Trúc L.

Đối với khoản nợ mà bà Đặng Thị Phi Y khởi kiện thì bà xác định không có vay mượn tiền của bà Đặng Thị Phi Y nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phi Y. Bà thừa nhận chữ ký trên giấy vay mượn nợ đề ngày 01/3/2018 là chữ viết và chữ ký của bà. Tuy nhiên, do ngày 16/11/2018, phía bà Đặng Thị Trúc L cùng một số người bà không biết rõ họ tên và bà Đặng Thị Phi Y đến nhà bắt giữ cháu của bà gây áp lực, ép buộc bà phải viết và ký nhận vào hai giấy vay tiền bao gồm vay tiền của bà Đặng Thị Phi Y và vay tiền của bà Đặng Thị Trúc L. Thực chất bà không có vay mượn của bà Đặng Thị Phi Y. Do hoảng sợ nên bà không nhớ đã ghi ngày nhận nợ như thế nào trên hai giấy vay nợ. Bà chỉ nhớ là đã viết theo lời yêu cầu của phía bà Đặng Thị Phi Y đọc. Sau khi sự việc xảy ra, bà không dám trình báo công an vì nghĩ còn nợ không thể trả được. Tuy nhiên, sau đó, hàng xóm khuyên bảo nên đến ngày 20/12/2018, do bà sợ bị hành hung nữa vì không có tiền trả nợ nên bà có làm

đơn thưa lên Phường 01, Quận E, Thành phố H. Công an Phường 01, Quận E có mời lên làm việc. Sau đó chuyển hồ sơ qua Công an Quận F để giải quyết đơn tố cáo của bà. Ngày 24/01/2019, bà trực tiếp nộp đơn tố cáo bà Đặng Thị Trúc L về hành vi cho vay nặng lãi và ép buộc làm giấy vay tiền. Cách đây hơn 01 tháng Công an Quận F có mời các bên lên làm việc, hòa giải giữa các bên. Hiện nay, bà chưa nhận được kết quả giải quyết đơn tố cáo trên. Về lời khai này, bà đã đề nghị và Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng kết quả xác minh của các cơ quan trả lời không có thực lý và giải quyết đơn tố cáo của bà về nội dung này. Bà không có tài liệu chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T (chồng bà Đặng Thị Phi Y) thống nhất và có cùng ý kiến, yêu cầu của bà Đặng Thị Phi Y.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

Người làm chứng bà Đặng Thị Trúc L trình bày bà có cho bà Trịnh Thị Dương Ánh H vay tiền nhưng theo giấy vay nợ khác không liên quan gì đến số tiền bà Trịnh Thị Dương Ánh H vay của bà Đặng Thị Phi Y. Bà xác nhận việc bà Trịnh Thị Dương Ánh H vay mượn tiền bà Đặng Thị Phi Y là do bà giới thiệu, lời khai của bà Trịnh Thị Dương Ánh H về việc ép buộc ký giấy nợ là không có căn cứ, bà xác nhận có chở bà Đặng Thị Phi Y đến nhà bà Trịnh Thị Dương Ánh H để yêu cầu trả nợ, sau đó, bà đi việc cá nhân không ở lại đó.

Ông Nguyễn Thành L là người làm chứng cho bà Trịnh Thị Dương Ánh H khai nhận bà Đặng Thị Trúc L có dẫn xã hội đen đến gây áp lực bà Trịnh Thị Dương Ánh H và khai bà Trịnh Thị Dương Ánh H chỉ vay của bà Đặng Thị Trúc L 160.000.000 đồng nhưng không trực tiếp nhìn thấy ai ép buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H phải ghi giấy vay nợ của bà Đặng Thị Phi Y.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố H đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần cho bà Đặng Thị Phi Y toàn bộ số tiền nợ còn thiếu là 461.973.600 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 01/2019 đến ngày 31/8/2020 số tiền là 65.973.600 đồng (Theo giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018 do các bên đã ký kết).

- Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/9/2020, bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại

theo thủ tục sơ thẩm. Bà Trịnh Thị Dương Ánh H trình bày bà chỉ vay của bà Đặng Thị Trúc L số tiền 50.000.000 đồng và việc ký vào giấy vay nợ của bà Đặng Thị Phi Y số tiền 396.000.000 đồng là do bà bị bà Đặng Thị Phi Y hành hung và ép buộc bà ký giấy vay nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà không đồng ý trả nợ cho bà Đặng Thị Phi Y vì bà không vay tiền của bà Đặng Thị Phi Y; bà thừa nhận chữ ký và viết trên giấy vay nợ đề ngày 01/3/2018 là của bà viết và ký tên nhưng thực chất bà không có vay tiền của bà Đặng Thị Phi Y số tiền như trong giấy vay tiền đã ghi. Nguyên đơn bà Đặng Thị Phi Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thừa nhận việc ép buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H ghi giấy vay nợ như bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã trình bày. Người làm chứng ông Nguyễn Thành L khai bà Trịnh Thị Dương Ánh H bị bà Đặng Thị Phi Y, bà Đặng Thị Trúc L ép buộc viết giấy vay tiền nhưng ông không trực tiếp nhìn thấy và không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Người làm chứng bà Đặng Thị Trúc L khai bà có cùng bà Đặng Thị Phi Y đến nhà bà Trịnh Thị Dương Ánh H đòi nợ nhưng không có ép buộc hay hành hung bà Trịnh Thị Dương Ánh H như bà Trịnh Thị Dương Ánh H trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến hết quá trình xét xử phúc thẩm. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung kháng cáo: Tại giấy vay tiền ngày 01/3/2018 có nội dung bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã vay số tiền 396.000.000 đồng của bà Đặng Thị Phi Y từ ngày 01/3/2018 đến ngày 01/12/2018. Bà Trịnh Thị Dương Ánh H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 01/3/2018 là của bà, như vậy giữa bà Đặng Thị Phi Y và bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã có xác lập giao dịch vay tiền. Bà Trịnh Thị Dương Ánh H kháng cáo cho rằng bà bị ép buộc ký giấy vay tiền nhưng bà không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của bà; người làm chứng ông Nguyễn Thành L khai bà Trịnh Thị Dương Ánh H bị ép buộc viết giấy tiền nhưng ông không trực tiếp nhìn thấy và không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên kháng cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H là không có cơ sở.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên để đảm bảo tính thực thi pháp luật đối với bản án cần hủy giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H, Hội đồng xét xử xét thấy :

Bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy vay nợ đề ngày 01/3/2018 là của bà viết và ký tên. Tuy nhiên, bà không đồng ý trả nợ cho bà Đặng Thị Phi Y vì bà không vay tiền của bà Đặng Thị Phi Y. Sở dĩ bà viết và ký nhận nợ vì phía bà Đặng Thị Phi Y gây áp lực ép buộc bà ghi. Việc này bà đã có đơn tố cáo gửi cho Công an Phường 01, Quận E và Công an Quận F để giải quyết. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh tại Công an Phường 01, Quận E thì cơ quan này không thụ lý đơn tố cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H. Còn tại Công an Quận F có thụ lý đơn tố cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H đối với bà Đặng Thị Trúc L và đơn tố cáo của bà Đặng Thị Phi Y đối với bà Trịnh Thị Dương Ánh H. Do đây là tranh chấp dân sự nên Công an Quận F đã hướng dẫn bà Đặng Thị Phi Y khởi kiện tại Tòa án và hướng dẫn bà Trịnh Thị Dương Ánh H thực hiện quyền của mình tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, bà Trịnh Thị Dương Ánh H khai bà bị ép buộc ký giấy vay tiền nhưng bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày của bà. Mặt khác, người làm chứng ông Nguyễn Thành L là người sống như vợ chồng với bà Trịnh Thị Dương Ánh H khai bà Trịnh Thị Dương Ánh H bị bà Đặng Thị Phi Y, bà Đặng Thị Trúc L ép buộc viết giấy nợ nhưng ông không trực tiếp nhìn thấy và ông cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của ông.

Do đó, căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà Đặng Thị Phi Y và bà Trịnh Thị Dương Ánh H có xác lập quan hệ vay tiền theo giấy vay tiền đề ngày 01/3/2018 với số tiền vay là 396.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/3/2018 đến ngày 01/12/2018 và không tính lãi suất.

Từ ngày 02/12/2018, bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Đặng Thị Phi Y. Do đó, căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phi Y, buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H có trách nhiệm thanh toán ngay, một lần toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu cho bà Đặng Thị Phi Y số tiền 396.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ tháng 01/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2020 là 20 tháng, lãi suất chậm trả bằng 50% theo lãi suất pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự bằng 10%/năm, cụ thể: $0,833\%/tháng \times 396.000.000 = 3.298.680$ đồng \times 20 tháng = 65.973.600 đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn

sáu trăm đồng), đồng thời yêu cầu bà Trịnh Thị Dương Ánh H tiếp tục trả lãi chậm trả theo mức lãi suất nêu trên cho đến khi trả dứt nợ cho bà Đặng Thị Phi Y.

Căn cứ theo Quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trịnh Thị Dương Ánh H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận F.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 148; Điều 228, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 464, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Dương Ánh H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố H

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trịnh Thị Dương Ánh H trả cho bà Đặng Thị Phi Y toàn bộ số tiền nợ là 461.973.600 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm đồng), trong đó bao gồm: tiền nợ gốc là 396.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 01/2019 đến ngày 31/8/2020 là 65.973.600 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy giấy vay tiền ngày 01/3/2018 giữa bà Trịnh Thị Dương Ánh H và bà Đặng Thị Phi Y.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trịnh Thị Dương Ánh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 22.478.944 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

- Hoàn lại cho bà Đặng Thị Phi Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.448.000 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0024651 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trịnh Thị Dương Ánh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà đã nộp theo theo Biên lai thu số 0035834 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận F. Bà Trịnh Thị Dương Ánh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận F;
- Chi cục THADS Quận F;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quang